

CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC LÀ MỘT TRONG NHỮNG GIÁ TRỊ HẠT NHÂN TRONG CÔNG CUỘC CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC

TS. Vũ Hào Quang

I. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

1. Tính cấp bách của vấn đề

Trong những năm qua đất nước ta đã và đang thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn trên các lĩnh vực của đời sống xã hội như kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục... Có được những thành tựu trên là nhờ vào sự định hướng đúng đắn của Đảng ta và sự đồng lòng của toàn dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" trước mắt dân tộc ta không ít những khó khăn, những thử thách của một thế giới rộng mở về mọi mặt với những xu hướng biến đổi hết sức phức tạp. Để chèo lái con thuyền Việt Nam đến bến bờ hạnh phúc, độc lập, tự do, toàn Đảng, toàn dân tộc ta cần phải có con đường riêng của chính mình phù hợp với xu hướng hội nhập chung của thời đại. Con đường đi dân tộc ta đã chọn đó là "công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước để đi lên chủ nghĩa xã hội". Lê-nin đã từng nói: "Muốn có cách mạng xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa". Yếu tố con người bao giờ cũng là trung tâm của mọi thời đại, mọi thiết chế xã hội, mọi phát minh khoa học kỹ thuật cuối cùng cũng phải phục vụ một mục đích là đáp ứng nhu cầu của con người. Nhu cầu của con người khác hẳn về chất so với nhu cầu của động vật kể cả loại nhu cầu bậc thấp như nhu cầu ăn uống, dinh dưỡng. Nhu cầu xã hội của con người là nhu cầu về quan hệ xã hội - nó thuộc dạng nhu cầu bậc cao. Tuy nhiên nhu cầu bậc thấp là những nhu cầu dinh dưỡng sinh học ngày càng mang tính xã hội lớn. Tính chất xã hội của nhu cầu phụ thuộc vào trình độ phát triển hay cách thức tổ chức đời sống xã hội. Sự biến đổi các nhu cầu xã hội mà cụ thể là biến đổi về các quan hệ xã hội, đòi hỏi phải có một lối ứng xử phù hợp trên tất cả các bình diện hoạt động xã hội, tạo ra bộ mặt xã hội mà chúng ta gọi là văn hoá. Bản sắc của bất

kì nền văn hoá nào cũng phụ thuộc những giá trị và chuẩn mực của nó cùng với nhân tố khác như phong tục, tập quán, ý thức xã hội (phức hợp của các tri thức xã hội), hệ tư tưởng tạo nên nội dung của nền văn hoá. Người ta nói giá trị (GT) chính là hạt nhân của nền văn hoá là hoàn toàn hợp lí vì GT điều chỉnh, chỉ đạo từ cá nhân đến nhóm xã hội hay toàn thể xã hội nói chung. Việc điều chỉnh hành vi xã hội của cả xã hội phụ thuộc rất nhiều, hay nói một cách khác, phụ thuộc chủ yếu vào những GT hạt nhân. GT hạt nhân là những GT chi phối có tính chất quyết định lối sống cá nhân hoặc xã hội. Vì vậy, việc nghiên cứu những GT hạt nhân của con người Việt Nam trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá là rất bức xúc và có ý nghĩa thực tiễn đóng góp phần thực hiện thành công công cuộc đổi mới.

2. Khái niệm giá trị, giá trị hạt nhân

2.1. Trong xã hội học Mác-xít, giá trị (GT) được xem như là chức năng điều chỉnh về mặt chuẩn mực xã hội đối với đời sống xã hội cũng như hành vi con người. Trong xã hội có giai cấp thì giá trị là bộ phận không thể tách khỏi ý thức và hệ tư tưởng giai cấp. GT xã hội chính là những chuẩn mực nền tảng đảm bảo tính chỉnh thể của hệ thống xã hội nhờ đó mà ý nghĩa đặc thù về mặt lợi ích vật chất và tinh thần nào đó đối với sự tồn tại và phát triển của hệ thống xã hội đó được bộc lộ ra (Tích Từ điển xã hội học giản yếu, NXB Chính trị Mátxcova, 1989, [tr 442 - 443], tiếng Nga)

Trong xã hội học phương Tây, khái niệm GT hoặc được đề cao từ những quan điểm liên cá nhân, hoặc được đề cao như những ý niệm tập thể xuất hiện trên cơ sở đoàn kết và hợp tác xã hội. Theo các học giả phương Tây thì hành vi xã hội được thể hiện bởi các chủ thể của nó có thể là cá nhân hoặc nhóm xã hội, khi đó nhóm xã hội là từ hai người trở lên đến hàng triệu người. Ở đâu tồn tại quan hệ nhóm nghĩa là giữa các cá nhân phải thiết lập một loạt các quan hệ xã hội nào đó thì ở đó con người phải sử dụng những qui tắc ứng xử và vì vậy, hành vi của cá nhân còn có ý thức thì nó sẽ gắn với một GT nào đó. Như vậy nếu con người hành động không có ý thức (ở trạng thái vô thức như say rượu hoặc mắc bệnh tâm thần chẳng hạn) thì không thể nói đến GT của hành động đó. GT dù ở trạng thái vật chất hay tinh thần, hoặc quan

hệ xã hội thì cũng phải gắn với một dạng quan hệ nào đó của con người. Con người với tư cách là chủ thể của hành động có thể tồn tại trong trạng thái cá thể (đơn độc) hoặc trạng thái tập thể (cộng đồng). Vì thế, có những hành vi xã hội và những hành vi cá nhân. Từ đây khái niệm GT xã hội được xây dựng trên cơ sở tương tác xã hội. Các tác giả theo thuyết duy danh trong xã hội học đều nhấn mạnh vai trò của tập thể là quan trọng và quyết định, cho nên GT xã hội quyết định GT cá nhân. Trong các loại hình tổ chức xã hội khác nhau sẽ có các ưu thế khác nhau của các loại GT. GT xã hội được hình thành trong quá trình hợp tác và đoàn kết xã hội, nó phụ thuộc vào sự phân công lao động xã hội. Trong xã hội loài người chỉ tồn tại hai loại đoàn kết xã hội, đó là đoàn kết cơ giới và đoàn kết hữu cơ. Đoàn kết cơ giới có từ ngay khi có tổ chức xã hội đầu tiên, còn đoàn kết hữu cơ chỉ xuất hiện khi có sự phân công lao động xã hội phức tạp với trình độ chuyên môn hoá cao, cụ thể là nó xuất hiện cùng với chủ nghĩa tư bản (Trích Emile. Durkhiem, *"The division of labor in Society"*, The Free Press. N.Y, 1984 (tr. 179 - 290)).

Cách tiếp cận thứ ba trong xã hội học phương Tây được gắn với tên tuổi của một nhà xã hội học nổi tiếng bậc nhất của thế kỷ XX, đó là T.Parson. Theo Parson, là giá trị cao nhất của hành vi, nhờ đó mà sự đồng cảm xã hội được thực hiện cả ở cấp độ vi mô, lẫn cấp độ vĩ mô. GT tham gia vào việc định hướng GT của hệ thống xã hội và nó quyết định xu hướng hành động xã hội. Do đó, GT là cái chức năng tất yếu của xã hội để duy trì và hình thành trật tự xã hội.. Tác giả này nhấn mạnh yếu tố tình huống của hành động gắn với môi trường văn hoá xã hội. Từ đó ông khẳng định rằng: con người trong những môi trường văn hoá xã hội cụ thể sẽ có cách thức hành động đặc thù. Qua những cách tiếp cận chủ yếu trong xã hội học về vấn đề GT chúng tôi nhận thấy những ưu điểm và những khiếm khuyết theo các nhà phân tích xã hội hiện nay, tuy nhiên chúng tôi muốn có cách nhìn tổng quát khi tiếp cận những tri thức, những quan điểm tiếp cận của các nhà học giả Mác-xít và phương Tây với hy vọng sẽ làm rõ một phần bản sắc văn hoá Việt Nam trong con người Việt Nam giai đoạn hiện nay.

Theo chúng tôi, GT là tất cả những gì mà chủ thể hành động nhận thấy phải, cần, nên và mong muốn thực hiện nhằm thoả mãn nhu cầu của mình hoặc những quan hệ xã hội mà nó có liên quan.

2.2. Giá trị hạt nhân

Như đã trình bày trên đây, tất cả những gì có liên quan đến hoạt động sống của con người với tư cách là chủ thể của hành động đều có thể liên quan đến GT. Giá trị không nằm một cách độc lập, đơn lẻ mà nó phải nằm trong tương quan của những GT khác. Bởi vì con người hoặc xã hội không thể tồn tại một hành động duy nhất, cho nên những hành động diễn ra ở một thời điểm cụ thể nào đó rất quan trọng và có tính chất quyết định với chủ thể hành động, nhưng cũng có hành động tương tự như vậy diễn ra ở một thời điểm khác và một hoàn cảnh khác thì nó lại có ý nghĩa khác. Hơn nữa, những GT có mối quan hệ chặt chẽ với nhau thành một hệ thống. Có những GT chi phối tính chất và khả năng hoạt động của các GT có quan hệ phụ thuộc lẫn nhau. Có một số GT có khả năng duy trì lâu dài ảnh hưởng của nó tới các GT khác, nhưng ngược lại, có những GT dễ dàng bị biến đổi dưới tác động của những GT khác hay môi trường văn hoá xã hội. Trong giới xã hội học tồn tại hai quan điểm chính về sự biến đổi GT. Theo quan điểm thứ nhất, GT dễ dàng biến đổi dưới tác động của điều kiện môi trường, kinh tế, văn hoá, xã hội.... Ví dụ như: khi nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đang tồn tại thì những GT bao cấp không có điều kiện để đứng vững. Hoặc khi một cuộc cách mạng xã hội xảy ra thì nó sẽ xoá cơ bản những GT của thể chế cũ.

Theo quan niệm thứ hai, tồn tại một số GT hạt nhân nó quyết định bộ mặt của nhân cách, của nhóm xã hội, hay của cả xã hội nói chung. Những GT này rất ít biến đổi hoặc biến đổi rất chậm. Khi điều kiện môi trường thay đổi thì chủ yếu nó biến đổi những GT cấp bách hay GT vòng ngoài, còn GT cốt yếu, GT hạt nhân rất ít biến đổi, hay biến đổi rất chậm. Đối với cá nhân, GT hạt nhân hình thành căn bản trong lứa tuổi thành niên mà giai đoạn xã hội hoá ở gia đình và nhà trường tương ứng với lứa tuổi 1-18 là giai đoạn quyết định. Đối với xã hội, nó phải mất hàng trăm năm để hình thành những GT hạt nhân. GT hạt nhân của xã hội là bộ mặt văn hoá hay là lối sống chỉ đạo của xã

hội đó. Một xã hội mà GT hạt nhân là tình cảm thì mọi quan hệ cơ bản của xã hội sẽ được giải quyết trên quan hệ tình cảm, ngược lại một xã hội có GT hạt nhân là "duy lý" thì mọi quan hệ cơ bản sẽ được quyết định duy lý.

Theo quan niệm của chúng tôi, ở dân tộc Việt Nam có ít nhất ba GT hạt nhân đó là:

1. Truyền thống yêu nước - chống giặc ngoại xâm.
2. Quan hệ huyết thống - họ hàng.
3. Quan hệ tình cảm - tình thân.

Ba GT hạt nhân này có mức độ biểu hiện khác nhau trong giai đoạn lịch sử khác nhau, nhưng nó rất ổn định và khá bền vững. Nó sẽ là nhân tố quyết định công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong những năm trước mắt của chúng ta.

II. CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC TRUYỀN THỐNG - GT HẠT NHÂN CỦA CON NGƯỜI VIỆT NAM

1. Truyền thống yêu nước

Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam được hiểu trong công trình nghiên cứu này như di sản văn hoá xã hội được truyền tải từ thế hệ này sang thế hệ khác, đồng thời được lưu trữ lại ở những xã hội, những giai cấp và nhóm xã hội xác định trong khoảng thời gian lâu dài. Truyền thống bao gồm các di sản xã hội với tư cách là các GT vật chất và tinh thần, các quá trình di truyền xã hội và các phương thức tồn tại xã hội xác định, các GT xã hội, các chuẩn mực hành vi, lễ nghi phong tục, tập quán, hệ tư tưởng...

Khi nói đến truyền thống yêu nước, chúng tôi thấy cần thiết phải trình bày hai khía cạnh cơ bản, đó là nội dung của truyền thống và chủ nghĩa yêu nước. Truyền thống yêu nước phải được bộc lộ qua những hành động cụ thể của cá nhân hoặc các nhóm xã hội. Truyền thống yêu nước chính là tình yêu quê hương đất nước và tinh thần ý chí hy sinh vì độc lập tự do của Tổ Quốc, đó là GT hạt nhân được lưu truyền

và hiện hành từ đời này sang đời khác. Bác Hồ khẳng định tư tưởng cho toàn thể dân tộc Việt Nam là: "Không có gì quý hơn độc lập tự do" đó là một chân lý, một GT hạt nhân luôn thường trực trong mỗi con người Việt Nam xưa, nay và mai sau. Yêu nước chính là yêu quê hương xóm làng, xứ sở. Tình yêu gia đình được cụ thể hoá trong những quan hệ cụ thể như cha con - vợ chồng - anh chị em ruột thịt. Loại quan hệ huyết thống này là một loại GT hạt nhân của con người nói chung và của người Việt Nam nói riêng. Trên thế giới quan niệm về quan hệ huyết thống của các dân tộc khác nhau cũng rất khác nhau. Tuy nhiên, ở Việt Nam quan hệ này có vai trò và có tầm quan trọng đặc biệt của con người Việt Nam. Quan hệ huyết thống, quan hệ gia đình, hay mối quan hệ dòng họ có mối quan hệ mật thiết với tình yêu quê hương đất nước. Tuy nhiên nó có tính độc lập tương đối của nó, vì vậy ở đây được xem như một trong những GT hạt nhân - loại GT chi phối chính hoạt động sống để tạo ra bộ mặt nhân cách của mỗi cá thể.

1.1 Tình yêu quê hương là nội dung của truyền thống yêu nước.

Kết quả nghiên cứu đề tài KHXH 01-10 đã cho thấy rằng đa số người được hỏi có quan niệm quê hương là nơi chôn rau, cắt rốn (44,1%), và quê hương là nơi bố mẹ sinh ra (37%), trong khi đó có 14,1% quan niệm quê hương là nơi mình trưởng thành, 3,5% cho rằng quê hương là nơi bố mẹ mình đang sống và chỉ có 0,9% cho rằng quê hương là nơi mình đang sống. Đa số những người được hỏi cho rằng, quê hương là nơi chôn rau cắt rốn, và quê hương là nơi bố mẹ mình sinh ra, vì rằng theo chúng tôi, nơi chôn rau, cắt rốn là nơi xuất hiện của một địa danh cụ thể, nó gắn với sự kiện xuất hiện một con người và luôn được người Việt Nam tôn thờ như một cái gì đó rất linh thiêng và cũng có thể vì thế người Việt Nam có niềm tin vào "thần linh thổ địa". Thứ nữa, con người gắn bó với nhau thông qua sợi dây huyết thống là một loại quan hệ bền chặt nhất trong các quan hệ của con người, mà người gắn gũi nhất trong quan hệ này là cha mẹ. Đề tài "Chủ nghĩa yêu nước truyền thống và hiện đại" mã số 01-10 đã nghiên cứu trên 2000 đơn vị mẫu gồm bảy thành phần xã hội là nông dân, công nhân, trí thức, thương nhân, học sinh phổ thông, sinh viên, công nhân viên chức đã chỉ ra rằng các nhóm xã hội khác nhau cũng có quan niệm khác nhau về quan niệm quê hương. Nếu như công nhân

viên chức và trí thức đánh giá cao quê hương là nơi bố mẹ mình sinh ra (61,0%, 55,8%) thì nhóm nông dân lại ít quan niệm như vậy (21,1%). Số di nông dân ít có quan niệm như trên vì họ coi quê hương là nơi chôn rau cắt rốn thành một khái niệm nông thôn. Người nông thôn coi quê hương là quê hương của họ. Điều này rất hợp lý đối với nhiều công trình nghiên cứu khác. Nếu quan sát xã hội chúng ta dễ dàng nhận xét rằng người nông dân hiện nay có xu hướng từ bỏ nông thôn để ra thành thị sống. Đó là một hiện tượng có thực nhưng không phải người nông dân Việt Nam muốn từ bỏ quê hương của họ để vì một cuộc sống hấp dẫn ở đô thị, hoặc ở nước ngoài như một số người nhận định. Chúng tôi xin dẫn ra vài dẫn chứng cụ thể để minh họa điều đó trong câu hỏi về định hướng chọn đâu, về con cái chỉ có 1,0% những người nông dân được hỏi (518 người) cho rằng: họ chọn người thoát ly nông nghiệp, trong khi đó, có tới 27,2% chọn những người có nghề nghiệp ổn định. Như vậy trong ý thức người nông dân, việc thoát ly nông nghiệp và có việc làm ổn định là hai khái niệm khác nhau, nhưng bị chi phối bởi cùng một giá trị, đó là quê hương. Người nông dân cần có nghề nghiệp ổn định cho con cái không có nghĩa là con cái cứ phải thoát ly nông nghiệp. Người nông dân bám đất, bám làng và vẫn có nghề nghiệp ổn định để ổn định đời sống của họ. Năm bắt được những suy nghĩ này, chúng tôi thiết nghĩ Đảng và nhà nước sẽ có chính sách phù hợp trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nông thôn bằng cách tạo ra những việc làm tại chỗ cho người nông dân để vừa thu hút một lực lượng nhân công với chi phí thấp và tránh được tỷ trọng gia tăng dân số khu vực đô thị cũng như những vấn đề khác nữa.

Không những chỉ người nông dân mà người Việt Nam nói chung đều rất yêu quê hương mình, điều đó thể hiện ở chỗ họ mong muốn được sống và làm việc ngay trên quê hương của họ. Tuy nhiên, không ít người mơ tưởng tới cuộc sống phồn hoa nơi đất khách quê người. Trong 2000 người được phỏng vấn có 55,3% muốn đi định cư ở nước ngoài nếu có điều kiện, có 38,4% muốn ở lại quê hương và có 6,4% không có ý kiến, tuy nhiên, nếu chúng ta chỉ nhìn nhận thuần túy tỉ lệ % những người muốn đi định cư ở nước ngoài là 53% để kết luận rằng: có quá nửa người Việt Nam muốn đi định cư ở nước ngoài thì còn đâu là "chủ nghĩa yêu nước" ở con người Việt Nam.... Mặt khác,

hệ số tương quan $C = 0,6703$ và $S = 0,0000$ đã cho chúng ta cơ sở để xem xét tương quan giữa thành phần xã hội và quan niệm đi định cư ở nước ngoài. Hệ số này đã chỉ ra tính không đồng nhất quan điểm của các nhóm xã hội khác nhau. Phân tích kết quả xử lý tương quan cho thấy chỉ có 6,9% người nông dân muốn đi định cư ở nước ngoài và 93,1% số họ muốn ở lại quê hương. Tỷ lệ này phản ánh độ chính xác của số liệu khảo sát về người nông dân trong công trình này, khi chúng tôi nhận thấy một tỷ lệ không nhỏ những người nông dân không muốn con em họ xây dựng gia đình với những người khác sống xa quê hương... Mặt khác, theo số liệu điều tra dân số năm 1999 thì số cư dân sống ở nông thôn vẫn chiếm 80% dân số cả nước trong khi những người muốn đi định cư nước ngoài không phải là những người nông dân là chính.

Những nhóm xã hội muốn đi định cư ở nước ngoài nếu có điều kiện tập trung vào các nhóm công nhân viên chức (89,4%), sinh viên (88,1%), trí thức (83,1%), học sinh (77,5%), thương nhân (76,0%) và công nhân là 66%. Vấn đề đặt ra là: nhóm trí thức và công nhân viên chức, sinh viên là đội quân chủ lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá đều đi nước ngoài thì chất lượng dân cư sẽ ra sao, ai sẽ thực hiện khoa học công nghệ? Một bài học xương máu cho các nước thuộc phe XHCN cũ sau khi sụp đổ thể chế chính trị là họ đã bị "chảy máu chất xám". Ở nước ta, tuy chưa có con số thống kê cụ thể về hiện tượng này nhưng không phải không có. Chúng ta nêu trường hợp cụ thể các nghiên cứu sinh đi học ở Balan, sau khi học xong họ ở lại định cư làm ví dụ.

Như vậy, số lượng những người không toàn tâm, toàn ý để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá không nhiều, nhưng họ lại có vai trò quan trọng trên mặt trận khoa học công nghệ và nhân văn, vì vậy phải có chính sách hợp lý với tầng lớp này trên cơ sở những GT hạt nhân.

1.2 Tinh cốt kết của gia đình, cộng đồng, làng xã

Theo kết quả nghiên cứu của công trình nghiên cứu đề tài các GT truyền thống và con người Việt Nam hiện nay "KX 07 - 02" thì các

quan hệ huyết thống vẫn in đậm nét truyền thống trong người Việt Nam hiện đại, trong khi đó các quan hệ cộng đồng láng giềng chưa cố định ưu thế. (trích "Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay" GS. Phan Huy Lê, PGS.TS Vũ Minh Giang, Hà nội, 1994, tr. 80).

Quan hệ gia đình, cộng đồng, làng xã vẫn dựa trên những quan hệ huyết thống là chính. Tính chất hợp tác cùng nhau làm ăn lớn chưa có biểu hiện rõ nét. Công trình nghiên cứu đề tài KHXH 01 - 10 cho thấy chỉ có 6,5% những người được hỏi cho rằng cần phải bỏ hết kiểu làm ăn theo tư duy cũ. Điều đó cũng chứng tỏ rằng tâm lý sản xuất nhỏ vẫn còn thống trị trong con người Việt Nam. Nhưng điều kiện kinh tế, chính sách xã hội áp dụng khoa học công nghệ chưa đủ độ tin cậy cao để tạo điều kiện cho nền sản xuất công nghiệp hoá, hiện đại hoá thực hiện vai trò của mình. Kết quả của câu hỏi: "Muốn gia đình và quê hương giàu đẹp hơn, văn minh hơn cần phải làm gì?" cho thấy, có 41,0% người được hỏi rằng cần chất lọc kinh nghiệm của cha ông; 6,5% cho rằng phải từ bỏ hết những kiểu làm ăn theo tư duy cũ; 2,5% dựa trên sức lực của gia đình mình là chính; 28,7% trao đổi hợp tác với bà con láng giềng. Mặc dù có tới 28,7% "hợp tác trao đổi" với bà con xóm giềng, nhưng sự hợp tác của họ chỉ là hợp tác có học như đối công lao động khi mùa vụ gặt hái... chứ không phải hợp tác để làm ăn lớn, xây dựng những tổ hợp sản xuất cơ giới hoá với sự chuyên môn hoá cao.

Tóm lại, hiện nay chúng ta nói là thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhưng yếu tố khoa học công nghệ chưa đi vào lĩnh vực sản xuất hàng hoá trên quy mô lớn cho nên nó ảnh hưởng đến tư duy của con người nhưng chưa đủ sức thay đổi những cách nghĩ, cách làm cũ, những phong tục tập quán và hệ tư tưởng cũ vẫn còn khá sâu rễ, bền gốc trong con người Việt Nam.

1.3 Ý chí chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và tinh thần xây dựng đất nước

Trong lịch sử thế giới chưa có một dân tộc nào phải chịu nhiều cuộc chiến tranh và nhiều thời gian trong chiến tranh như dân tộc Việt

Nam. Từ cuộc chiến đấu chống quân Tần ở thế kỷ III TCN đến cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ thế kỷ XX, dân tộc Việt Nam phải mất mười hai thế kỷ kháng chiến giữ nước và đấu tranh chống giặc ngoại xâm, dân tộc Việt Nam chưa hề chịu khuất phục trước bất kỳ giặc ngoại xâm nào dù nó có hùng mạnh đến đâu. Từ câu tuyên ngôn mang theo cả hồn sông núi nước Việt của Lý Thường Kiệt "Nam quốc sơn hà Nam đế cư" đến câu tuyên ngôn khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

*" Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một
Sông có thể cạn, núi có thể mòn
Song chân lý đó không bao giờ thay đổi"*

vẫn mãi là ý chí sắt đá của dân tộc ta.

Có 58,1% số người được hỏi cho rằng câu nói của Bác Hồ là chính xác trong thời kỳ bị chia cắt và 40,4% cho là đúng trong mọi thời kỳ lịch sử, chỉ có 1,5% cho là đúng trong thời kỳ dựng nước. Điều đó đã chứng tỏ ý chí chiến đấu của con người Việt Nam được kết tinh từ những cuộc chiến đấu chống giặc ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc và hiện nay ngay trong điều kiện hoà bình cũng 37% số người được hỏi cho rằng họ sẵn sàng xung phong lên đường đi chiến đấu, 17% nếu Tổ quốc cần sẽ đi chiến đấu, 15% đóng góp sức lực phục vụ chiến đấu, 5,1% ở lại địa phương sản xuất và 2,3% là những ý kiến khác. Dù đây chỉ là một tình huống giả định.

2. Chủ nghĩa yêu nước trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc Việt Nam đã được khái quát thành một mục tiêu có tầm vóc thời đại mới đó là "Dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Mỗi dân tộc đều có con đường đi riêng của mình và họ đều có mục đích chung là tiến tới một xã hội công bằng, văn minh. Chúng ta tiến tới mục tiêu đó nhờ vào truyền thống yêu nước, ý thức tự lực, tự cường của toàn thể nhân dân Việt Nam. Chúng ta thừa nhận mình có những phẩm chất quý báu, tuy nhiên trong điều kiện khoa học và công nghệ như vũ bão, khi một

người máy có thể làm thay hàng trăm người thì sức mạnh của thời đại mới không chỉ dừng lại ở cái cần cù, nhẫn nại, mà phải có trình độ khoa học cao. Hơn nữa nền sản xuất công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi phải có đầu tư lớn về mọi mặt, chính vì thế chúng ta phải hội nhập, phải đổi mới. Tuy nhiên cần phải xác định đổi mới đến đâu, đổi mới cái gì là then chốt để ta có thể phát huy sức mạnh truyền thống của mình mà vẫn hội nhập những tiên tiến văn minh của thời đại. Con người Việt Nam với đặc tính mềm dẻo và cơ động, dễ dàng chấp nhận văn hoá nước ngoài, nhưng nó có đặc tính độc đáo là duy trì những giá trị cốt lõi mang bản sắc riêng mà chỉ có ở con người Việt Nam. Vì vậy qua bao cuộc chiến tranh xâm lược, trong đó có cả cuộc chiến tranh xâm lược về mặt văn hoá mà con người Việt Nam vẫn vững vàng với phẩm chất riêng của mình. Để xác định thái độ của nhân dân với tinh thần và chính sách mở cửa của Đảng và Nhà nước hiện nay, chúng tôi đưa ra câu hỏi: "Hiện nay chúng ta đang thực hiện chính sách mở cửa, theo anh chị có nghĩa gì?". Kết quả là có 23% cho rằng hội nhập là xu thế tất yếu để nâng tầm vóc dân tộc; 22,8% cho rằng rất cần thiết để phát triển kinh tế; 21,6% cho rằng hội nhập vẫn giữ được bản sắc dân tộc; 11,7% cho rằng chúng ta chỉ có thể tồn tại trong mối quan hệ quốc tế; 18,1% cho rằng rất có ích trong giao lưu văn hoá; Chỉ có 1,6% cho rằng hội nhập là nguy cơ hoà tan; 1,4% cho rằng mở cửa dẫn đến nguy cơ mất độc lập tự do. Như vậy rất ít ý kiến sợ cải tổ, đổi mới và mở cửa do Đảng khởi xướng và lãnh đạo. Để khẳng định tính đúng đắn của đường lối trên, chúng tôi đặt câu hỏi: "Theo anh chị, muốn dân giàu nước mạnh thì phải làm gì?". Kết quả có 92,5% phải phát huy cao độ yếu tố tự lực với hợp tác quốc tế; Có 2,7% hoàn toàn trông chờ vào sự giúp đỡ của nước ngoài và 4,8% không muốn hợp tác với nước ngoài mà chỉ dựa vào yếu tố tự lực, tự cường.

Để khẳng định tính thích ứng và quan niệm của người Việt Nam trong quan hệ hội nhập quốc tế nhất là về mặt kinh tế và chủ quyền dân tộc, chúng tôi đưa ra câu hỏi: "Nếu cần thiết nhà nước phải cho thuê dài hạn một số mặt bằng, địa điểm kinh doanh thì anh chị nghĩ sao?". Kết quả là có 33,9% số người được hỏi cho rằng nếu có lợi cho dân tộc thì nên làm; 22,7% cho rằng nếu có lợi cho chính trị thì nên làm; 13,6% cho rằng việc đó chỉ là giải pháp tạm thời; 0,7% cho rằng tuyệt đối không được và 0,7% lý do khác. Rõ ràng trong những tình

hướng cụ thể, quyền lợi của dân tộc bao giờ cũng được đặt lên đầu tiên, sau đó là những lợi ích về kinh tế và sau nữa là lợi ích chính trị. Như vậy trong quan niệm của những người được hỏi, có sự phân biệt giữa lợi ích dân tộc và lợi ích chính trị. Phần lớn những người được hỏi đều có quan niệm khá cởi mở đối với quan hệ nước ngoài không những chỉ trên lĩnh vực kinh tế mà còn cả trên lĩnh vực chung sống hoà bình lẫn nhau. Có 12,8% số người được hỏi cho rằng người nước ngoài có thể sống định cư trên quê hương của họ một cách bình thường như những người Việt Nam khác. Trong khi đó những người cùng quê là 20,1% và người cùng tỉnh là 13,8% cũng có quyền sống định cư trên quê hương của họ và đương nhiên tỷ lệ những người cho rằng người Việt Nam có quyền định cư trên quê hương của họ là khá lớn (63,3%). Quan niệm của người Việt Nam rất thiện chí và hiếu hảo không chỉ với người cùng sắc tộc mà còn cả với người nước ngoài. Trong khi đó gần đây chúng ta có thể nhận được không ít thông tin về quan điểm Sô-vanh hay Phát-xít mới của vài dân tộc trên thế giới.

3. Một số yếu tố cản trở công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá về mặt con người

Mặc dù chúng ta có rất nhiều ưu điểm để tiếp nhận một cách tích cực công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, tuy nhiên chúng ta không ít gặp những khó khăn, liên quan đến yếu tố con người. Đã có rất nhiều học giả nhận xét rằng: con người Việt Nam chỉ đoàn kết trong chiến đấu, tuy nhiên tính cộng đồng trong hoà bình lại kém, cho nên họ có thể thành công ở lĩnh vực hoạt động cá nhân mà không thành công trong các hoạt động tập thể. Qua kết quả nghiên cứu của đề tài KX 07-02 và đề tài KX 01-10, các nhà khoa học đều nhận xét rằng: trong giai đoạn hiện nay các quan hệ huyết thống vẫn được duy trì, trong khi đó mối quan hệ cộng đồng kể cả cộng đồng làng xã kiểu cũ đang có xu hướng suy giảm. Yếu tố cá nhân đang có cơ may phát triển mạnh trong nền kinh tế thị trường. Chủ nghĩa cá nhân đã từng bị kìm hãm bởi các thiết chế xã hội trong lịch sử khi có điều kiện lập tức nó phát triển, những thói hư tật xấu trong mỗi con người có cơ hội phát tán lan rộng. Và hầu như con người dễ dàng tiếp thu, tập nhiễm những cái mà xã hội ngăn cấm. Mặt khác, với tâm lý sản xuất nhỏ, con người quen sống theo kiểu "Đền nhà ai người đấy rặng" khi

đưa vào nền kinh tế thị trường với quy mô sản xuất lớn công nghệ cao thì tư duy "tiểu nông", "tiểu chủ" tỏ ra có nhiều điều bất cập.

III. KẾT LUẬN

Chủ nghĩa yêu nước là một trong những GT hạt nhân của con người Việt Nam trong lịch sử và trong tương lai. Không thể xây dựng một đất nước giàu đẹp, công bằng, văn minh, nếu không có một tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, văn hoá và xã hội. Với tư cách là GT hạt nhân, chủ nghĩa yêu nước chi phối nhiều giá trị xã hội khác góp phần điều chỉnh xu hướng hành động phù hợp. GT "yêu nước" của con người Việt Nam là một trong những GT hạt nhân mà sự phối hợp giữa chúng, quan hệ huyết thống, quan hệ tình cảm tạo ra một sức mạnh hấp dẫn chi phối và điều chỉnh hệ thống giá trị là cơ sở để làm nên bản sắc dân tộc Việt Nam.

Trước tình hình quốc tế có nhiều biến động và phức tạp như hiện nay, công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước sẽ gặp không ít những khó khăn. Tuy nhiên, nắm vững quy luật vận hành của những GT nhân văn hay bản sắc văn hoá, chúng ta vẫn tập hợp được sức mạnh của toàn thể dân tộc để thực hiện thành công nhiệm vụ mà công nghiệp hoá, hiện đại hoá đặt ra.